TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108*/2021/HN - ST*
Ngày: *11 - 10 - 2021*
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Phước

2. Ông Lê Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST - HN ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1975 (xin vắng)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh P, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng trú tại: Số 251C/21 ấp BL, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/9/2021 nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Thanh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2002. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh P hay nghen tuôn vô cớ, mỗi lần gọi điện thoại thì dùng lời lẽ thô tục, do nhiều lần anh P xúc phạm danh dự, hành hung và hăm dọa nên chị trốn tránh không gặp anh P, mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh P

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh 19/10/2000 và Huỳnh Nguyễn Trung C, sinh ngày 25/3/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 do T đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh không cho anh biết địa chỉ chỗ làm, cứ mỗi lần anh gọi điện thoại thì chị T không nói gì, có khi còn không liên lạc được, nếu gặp mặt nói chuyện vài câu thì chị T bỏ chạy trốn nên từ đó anh nghi ngờ chị T có người khác. Do chị T kiên quyết ly hôn, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh P đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Tuyết T

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh 19/10/2000 và Huỳnh Nguyễn Trung C, sinh ngày 25/3/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P.

- Về nuôi con chung: đã trưởng thành, không xem xét

-Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã An Bình, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 82/2, quyển số 03, do Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/12/2002 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Huỳnh Thanh P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa T và anh P đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P cũng đồng ý ly hôn với chị T, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh 19/10/2000 và Huỳnh Nguyễn Trung C, sinh ngày 25/3/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ tiền

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006612 ngày 30/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú